TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1192/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11-9-2019
V/v tranh chấp "Chia tài sản sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Bá Hợp
2. Ông Lê Ngọc Hóa

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hải Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp "Chia tài sản sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1960, địa chỉ cư trú: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên hệ: Đường D, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lâm Thị Thanh T, trú tại: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số: 008284 ngày 15 tháng 6 năm 2019). (Có mặt).

2.Bị đơn: Ông Lâm H1, sinh năm: 1953, địa chỉ cư trú: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/01/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn: Bà H trình bày: Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông H1 có tạo lập được tài sản chung là nhà và đất tọa lạc tại số: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 22 tháng 6 năm 2018, bà và ông H1 thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các

đương sự số: 803/2018/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, về tài sản chung thì hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay do bà và ông H1 không thỏa thuận được về tài sản nên bà khởi kiện yêu cầu chia đôi tài sản là nhà và đất tọa lạc tại số: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, bà yêu cầu được nhận ½ giá trị tài sản theo kết quả định giá ngày 23 tháng 5 năm 2019.

Bị đơn: Ông H1 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà H là giữa ông và bà H trong quá trình chung sống có tạo lập được tài sản chung là nhà và đất tọa lạc tại số: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh khi ông và bà H thuận tình ly hôn thì không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Nay bà H khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung giữa ông và bà H thì ông muốn nhận nhà và đưa cho bà H mỗi tháng 10.000.000 đồng đến khi trả hết ½ giá trị căn nhà theo kết quả định giá ngày 23 tháng 5 năm 2019 hoặc bà H làm thủ tục cho ông vay ngân hàng sau đó ông sẽ hoàn lại cho bà H ½ giá trị tài sản.

Tại phiên tòa, bà T là đại diện hợp pháp của bà H trình bày: Đồng ý giao nhà cho ông H1 sau khi ông H1 bù chia ½ giá trị căn nhà cho bà H.

Ông H1 trình bày: Bà H giao cho ông số tiền 951.009.842 đồng thì ông sẽ giao nhà ngay cho bà H vì hiện tại nhà chỉ có một mình ông ở.

Ngoài ra, các đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Hội đồng xét xử, không còn cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho các đương sự và Viện kiểm sát nghiên cứu. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử còn trễ.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, chia đôi giá trị căn nhà Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp "Chia tài sản sau khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn và tài sản tại số: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của đương sự: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H có bà T đại diện thấy rằng. Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 20627/2003 do Uỷ ban nhân dân quận Gò Vấp cấp ngày 31 tháng 12 năm 2003 thì nhà và đất tọa lạc tại số: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông H1 và bà H và theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 803/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thì tài sản chung giữa ông H1 và bà H chưa được giải quyết. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông H1 thừa nhận là giữa ông và bà H trong quá trình chung sống có tạo lập được tài sản chung là nhà và đất tọa lạc tại số: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh khi ông và bà H thuận tình ly hôn thì không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét xác định căn nhà và đất tại số: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông H1 và bà H. Do ông H1 và bà H đã ly hôn nhưng các bên vẫn chưa giải quyết về tài sản chung nên việc bà H yêu cầu phân chia tài sản chung sau khi ly hôn là phù hợp với pháp luật quy định tại Điều 33, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do ông H1 đang thực tế sử dụng nhà nhằm giữ cho hiện trạng sử dụng nhà được ổn định nên Hội đồng xét xử giao ông H1 được quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh sau khi bù chia cho bà H ½ giá trị nhà và đất. Theo biên bản định giá ngày 23 tháng 5 năm 2019, giá trị nhà và đất tại số: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là 1.902.019.685 đồng, do đó ông H1 phải bù chia cho bà H số tiền 951.009.842 đồng.

Về án phí Tòa án: Bà H được chia ½ giá trị tài sản nên phải chịu mức án phí tính trên giá trị đối với phần được chia là 1.902.019.685 : 2 = 951.009.842 đồng tương ứng với số tiền là 36.000.000 đồng + (951.009.842 – 800.000.000) x 3% = 40.530.295 đồng.

Bà H đã nộp số tiền tạm ứng án phí 18.000.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2018/0001917 ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, được cấn trừ và bà H phải nộp thêm 40.530.295 – 18.000.000 = 22.530.295 đồng.

Chi phí định giá do bà H tự nguyện chịu.

Ông H1 thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có bà Lâm Thị Thanh T đại diện.

Xác định căn nhà và đất tại số: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 20627/2003 do Uỷ ban nhân dân quận Gò Vấp cấp ngày 31 tháng 12 năm 2003 là tài sản chung của ông Lâm H1 và bà Nguyễn Thị H.

Ông Lâm H1 được quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại số: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh sau khi bù chia cho bà Nguyễn Thị H số tiền 951.009.842 (Chín trăm năm mươi mốt triệu, không trăm lẻ chín ngàn, tám trăm bốn mươi hai) đồng.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp ông Lâm H1 không thực hiện việc bù chia và bà Nguyễn Thị H yêu cầu phát mãi tài sản nhà và đất tại số: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh để chia thì ½ giá trị tài sản được tính toán theo tỷ lệ tương ứng với giá trị thực tế của tài sản được phát mãi. Số tiền phát mãi tài sản sau khi trừ các nghĩa vụ và chi phí thi hành án phát sinh thì ông Lâm H1 và bà Nguyễn Thị H mỗi người được nhận phần giá trị tài sản của mình bằng ½ số tiền còn lại.

Các bên đương sự tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 40.530.295 (Bốn mươi triệu, năm trăm ba mươi ngàn, hai trăm chín mươi lăm) đồng, cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng đã nộp theo biên lai thu số: AA/2018/0001917 ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự

quận Gò Vấp, bà H phải nộp thêm 22.530.295 (Hai mươi hai triệu, năm trăm ba mươi ngàn, hai trăm chín mươi lăm) đồng.

Ông Lâm H1 thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Đương sự;
-Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
-Chi cục thi hành án dân sự cùng cấp;
-Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Mạnh Cường

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA